

Số: 33/BC-THĐT

Dầu Tiếng, ngày 26 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Về công khai trong hoạt động giáo dục năm 2026**

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin cơ sở giáo dục**

Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Định Thành.

Địa chỉ: ấp Rạch Đá, xã Dầu Tiếng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 02743526399.

Trang thông tin điện tử: <https://thdinhthanh.dautieng.edu.vn>.

Loại hình cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Định Thành là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; được thành lập và tổ chức hoạt động theo các văn bản pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan chủ quản là Ủy ban nhân dân xã Dầu Tiếng, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên: **Phạm Thị Vân.**

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Định Thành, ấp Rạch Đá, xã Dầu Tiếng, Thành phố Hồ Chí Minh.

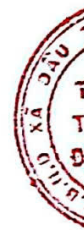
Số điện thoại: 0367.988.268.

Địa chỉ thư điện tử: [vanptthdinhthanh@hcmdoet.edu.vn](mailto:vanptthdinhthanh@hcmdoet.edu.vn)

Trường Tiểu học Định Thành được thành lập ban đầu theo Quyết định số 95/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 9 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng, trên cơ sở tách ra từ Trường Định Thành B nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của địa phương.

Trong quá trình kiện toàn tổ chức bộ máy và thực hiện chủ trương đổi mới quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập, nhà trường được tổ chức lại theo Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo thành đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng.

Thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính và phân cấp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Ủy ban nhân dân xã Dầu Tiếng đã ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025



về việc thành lập Trường Tiểu học Định Thành thuộc Ủy ban nhân dân xã Dầu Tiếng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Trường Tiểu học Định Thành là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Dầu Tiếng, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; thực hiện chức năng tổ chức các hoạt động giáo dục tiểu học theo quy định của pháp luật.

## **2. Sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu phát triển**

**Sứ mạng:** Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, kỷ cương, trách nhiệm và sáng tạo; tạo điều kiện để mỗi học sinh được phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực, phát huy tối đa tiềm năng của bản thân; hình thành nền tảng vững chắc cho quá trình học tập suốt đời và hội nhập trong thời kỳ chuyển đổi số.

**Tầm nhìn:** Phấn đấu xây dựng Trường Tiểu học Định Thành trở thành cơ sở giáo dục có chất lượng và uy tín của địa phương; là môi trường học tập thân thiện, hiện đại, nơi giáo viên tận tâm, học sinh tích cực, sáng tạo, tự tin và không ngừng vươn lên trong học tập, rèn luyện.

### **Mục tiêu phát triển:**

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

Thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý, dạy học và các hoạt động giáo dục.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng đồng bộ, hiện đại.

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và hạnh phúc.

## **3. Quá trình hình thành và phát triển**

Trường Tiểu học Định Thành được thành lập năm 2004 nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn địa phương. Trong quá trình hoạt động, nhà trường từng bước vượt qua những khó khăn ban đầu về cơ sở vật chất, đội ngũ và điều kiện tổ chức dạy học để ổn định và phát triển.

Qua hơn 20 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường luôn duy trì ổn định quy mô trường lớp, thực hiện tốt nhiệm vụ phổ cập giáo dục tiểu học, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được củng cố cả về số lượng và chất lượng; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư; việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy ngày càng được đẩy mạnh.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; sự hướng dẫn chuyên môn của ngành Giáo dục và

Đào tạo; sự phối hợp tích cực của các tổ chức đoàn thể và Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Phát huy truyền thống đoàn kết, trách nhiệm và sáng tạo, Trường Tiểu học Định Thành tiếp tục phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện và từng bước phát triển theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

#### 4. Cơ cấu tổ chức

Nhà trường tổ chức và hoạt động theo Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Cơ cấu tổ chức của nhà trường gồm:

- Chi bộ Đảng;
- Ban giám hiệu: Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng;
- Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Liên đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;
- Tổ chuyên môn;
- Tổ văn phòng;
- Các lớp học.

**4.1. Chi bộ Đảng:** Chi bộ Trường Tiểu học Định Thành có 09 đảng viên (08 đảng viên chính thức, 01 đảng viên dự bị)

#### 4.1. Ban Giám hiệu

**Bà Phạm Thị Vân – Hiệu trưởng:** Được điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học Định Thành theo Quyết định số 601/QĐ-PGDĐT ngày 20/9/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Dầu Tiếng. Ngày 08/9/2023, được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 1530/QĐ-UBND của UBND huyện Dầu Tiếng. Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và thành lập Trường Tiểu học Định Thành thuộc xã Dầu Tiếng, thành phố Hồ Chí Minh, bà Phạm Thị Vân tiếp tục được bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng theo Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Chủ tịch UBND xã Dầu Tiếng.

**Ông Võ Văn Bình – Phó Hiệu trưởng:** Được điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Định Thành theo Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của UBND huyện Dầu Tiếng. Ngày 18/11/2024, được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 1193/QĐ-UBND của UBND huyện Dầu Tiếng. Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và thành lập Trường Tiểu học Định Thành thuộc xã Dầu Tiếng, thành phố Hồ Chí Minh, ông Võ Văn Bình tiếp tục được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng theo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Chủ tịch UBND xã Dầu Tiếng.

#### 4.2. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Nhà trường có 01 tổ chuyên môn có 10 thành viên, trong đó: 01 Phó Chuyên môn, 05 giáo viên chủ nhiệm và 04 giáo viên bộ môn. với 10 thành viên. 01 tổ văn

phòng có 10 thành viên gồm các bộ phận: kế toán, văn thư, y tế trường học, Tổng phụ trách Đội, thư viện - thiết bị, giáo vụ, bảo vệ và phục vụ.

Năm học 2025 - 2026, nhà trường có 05 lớp học với 114 học sinh.

Ngoài các tổ chức thường xuyên, hằng năm nhà trường thành lập các hội đồng tư vấn theo quy định nhằm hỗ trợ công tác quản lý và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn như: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét sáng kiến, Hội đồng xét hoàn thành chương trình tiểu học, Hội đồng kiểm kê tài sản và các hội đồng khác theo yêu cầu nhiệm vụ của năm học.

### **5. Thành tích nổi bật**

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường Tiểu học Định Thành đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong công tác giáo dục và xây dựng nhà trường.

Năm 2015, nhà trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Chất lượng giáo dục toàn diện được duy trì ổn định; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học hằng năm đạt cao; học sinh tích cực tham gia các hội thi, sân chơi học tập do ngành giáo dục tổ chức.

Tập thể nhà trường nhiều năm đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến; Công đoàn cơ sở và Liên đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh nhiều năm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhà trường tích cực triển khai chuyển đổi số trong quản lý và dạy học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ, văn bản điện tử, quản lý chuyên môn và tổ chức các hoạt động giáo dục.

### **6. Hệ thống văn bản quản trị nội bộ**

Nhà trường ban hành và thực hiện đầy đủ hệ thống văn bản quản trị nội bộ nhằm bảo đảm hoạt động đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch và phát huy dân chủ trong đơn vị. Các văn bản được rà soát, sửa đổi, bổ sung hằng năm phù hợp với yêu cầu quản lý và tình hình thực tế của nhà trường.

Các văn bản quản trị nội bộ chủ yếu gồm:

- Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường;
- Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở;
- Quy chế làm việc của nhà trường;
- Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công;
- Quy chế văn thư, lưu trữ;
- Quy chế quản lý và sử dụng thiết bị dạy học;
- Quy chế phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- Kế hoạch chuyển đổi số;
- Kế hoạch kiểm tra nội bộ;
- Các quyết định, kế hoạch và văn bản quản lý khác theo quy định.

Trong năm học 2025 - 2026, nhà trường tiếp tục duy trì và thực hiện hiệu quả các văn bản quản trị nội bộ đã ban hành, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công

tác quản lý và chất lượng hoạt động giáo dục.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Thông tin chung về đội ngũ

Năm học 2025 - 2026, Trường Tiểu học Định Thành có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ giáo dục; bảo đảm đủ về số lượng theo quy mô trường lớp và từng bước nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ.

#### 1. Cơ cấu đội ngũ:

**Bảng 1. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

Nhóm vị trí việc làm	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Tăng/giảm
Cán bộ quản lý	02	02	0
Giáo viên	10	10	0
Nhân viên	08	08	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>0</b>

**Bảng 2. Cơ cấu cán bộ quản lý:**

Chức vụ	Số lượng
Hiệu trưởng	1
Phó Hiệu trưởng	1
<b>Tổng cộng</b>	<b>2</b>

**Bảng 3. Cơ cấu đội ngũ giáo viên theo môn học:**

Môn học/Vị trí	Số lượng
Giáo viên Tiểu học	5
Tiếng Anh	1
Tin học	1
Âm nhạc	1
Thể dục	1
Tổng phụ trách Đội	1
Mỹ thuật	0
Tiếng dân tộc	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>10</b>

**Bảng 4. Cơ cấu nhân viên**

Vị trí việc làm	Số lượng
Văn thư	1
Kế toán	1
Y tế học đường	1
Thư viện	1
Giáo vụ	1
Bảo vệ, phục vụ	3
Công nghệ thông tin	0
Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0
Thủ quỹ	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>8</b>

Nhà trường hiện có 20 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Đội ngũ cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

#### 2. Trình độ đào tạo

Trình độ đào tạo	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Tổng số	Tỉ lệ
Đại học	02	09	03	14	70%
Cao đẳng		01	02	03	15%
Trung cấp				00	0%
Khác			03	03	15%

Tỷ lệ cán bộ, giáo viên có trình độ đại học đạt 70%, đội ngũ được đánh giá chuẩn nghề nghiệp chủ yếu ở mức Tốt. Cơ cấu giáo viên cơ bản bảo đảm việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; các vị trí nhân viên thiết yếu được bố trí đầy đủ theo yêu cầu hoạt động của nhà trường.

### 3. Hạng chức danh nghề nghiệp

Hạng chức danh	Số lượng
Hạng II	5
Hạng III	7
Hạng IV	0
Chưa xếp hạng (nhân viên)	8
<b>Tổng cộng</b>	<b>20</b>

### 4. Đánh giá chuẩn nghề nghiệp

Mức đánh giá	Số lượng
Tốt	7
Khá	5
Đạt	0
Chưa đạt	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>12</b>

Nhà trường thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, cán bộ quản lý theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết quả đánh giá là cơ sở để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hằng năm.

### Bảng 4. Kết quả bồi dưỡng thường xuyên

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
CBQL hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên	02	12.5%
Giáo viên hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên	10	62.5%
Nhân viên được tham gia tập huấn, bồi dưỡng	04	25%

Trong năm học 2025 - 2026, nhà trường tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng thường xuyên, tập huấn chuyên môn, tập huấn thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và các chuyên đề chuyên môn khác do ngành giáo dục tổ chức.

### 5. Đánh giá chung

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của Trường Tiểu học Định Thành có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, chấp hành nghiêm chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành.

Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên có tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất

lượng đội ngũ, khuyến khích tự học, tự bồi dưỡng, tham gia các lớp đào tạo nâng chuẩn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong ngành Giáo dục.

### **III. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ DẠY HỌC**

#### **1. Cơ sở vật chất:**

##### **Diện tích khu đất xây dựng trường**

Trường Tiểu học Định Thành tọa lạc tại ấp Rạch Đá, xã Dầu Tiếng, Thành phố Hồ Chí Minh, trên trục đường ĐT744. Tổng diện tích khuôn viên trường là 6.605 m<sup>2</sup>, không thay đổi so với năm học 2024-2025.

Năm học 2025-2026, diện tích bình quân đạt 57,9 m<sup>2</sup>/học sinh, vượt mức tối thiểu 10m<sup>2</sup>/học sinh theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT. So với năm học 2024-2025, diện tích khu đất và diện tích bình quân trên học sinh được duy trì ổn định, đáp ứng tốt yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

##### **Khối phòng học tập**

Nhà trường có 05 phòng học kiên cố, diện tích 48 m<sup>2</sup>/phòng, được trang bị đầy đủ bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, bảng lớp, hệ thống chiếu sáng, quạt mát, tủ đựng hồ sơ và thiết bị dạy học.

Ngoài ra, trường có các phòng học bộ môn gồm: phòng Tin học, phòng Tiếng Anh, phòng Âm nhạc - Mỹ thuật phục vụ việc triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

So với năm học 2024-2025, số lượng và chất lượng phòng học được duy trì ổn định, đáp ứng yêu cầu dạy học 2 buổi/ngày.

##### **Khối phòng hành chính quản trị**

Nhà trường có đầy đủ các phòng làm việc gồm: phòng Hiệu trưởng, văn phòng, phòng bảo vệ, khu vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và khu để xe có mái che.

Các phòng làm việc được trang bị máy tính, máy in, thiết bị văn phòng và kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, điều hành và chuyển đổi số trong nhà trường.

So với năm học 2024-2025, các hạng mục hành chính quản trị được duy trì ổn định và khai thác hiệu quả.

##### **Khối phòng hỗ trợ học tập**

Nhà trường có:

- 01 thư viện với kho sách, khu quản lý và khu đọc sách dành cho giáo viên, học sinh;
- 01 phòng thiết bị giáo dục được bố trí đầy đủ tủ, giá bảo quản thiết bị dạy học;
- 01 phòng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh kết hợp phòng truyền thống.

Các phòng hỗ trợ học tập đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định hiện hành. So với năm học 2024-2025, thư viện và thiết bị giáo dục tiếp tục được bổ sung sách, học liệu và thiết bị phục vụ dạy học.

### **Khởi phụ trợ**

Nhà trường hiện có:

- 01 phòng Y tế học đường được trang bị tủ thuốc, dụng cụ sơ cứu và giường nghỉ cho học sinh;
- Khu để xe học sinh có mái che, bảo đảm thuận tiện và an toàn;
- 04 khu vệ sinh học sinh riêng biệt dành cho nam và nữ;
- Hệ thống công trường, hàng rào, cây xanh, sân trường và cảnh quan sư phạm bảo đảm an toàn, thân thiện.

Các công trình phụ trợ được duy trì, bảo dưỡng thường xuyên, đáp ứng nhu cầu sử dụng của học sinh, giáo viên và nhân viên.

So với năm học 2024–2025, trong năm học 2025–2026 nhà trường đã thực hiện nhiều hạng mục chỉnh trang, cải tạo cơ sở vật chất nhằm bảo đảm an toàn trường học, cải thiện cảnh quan sư phạm và nâng cao chất lượng môi trường giáo dục. Cụ thể, nhà trường đã sửa chữa, nâng cấp công trường, hàng rào; xây dựng và hoàn thiện Không gian văn hóa Hồ Chí Minh phục vụ công tác giáo dục truyền thống, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phối hợp với các cơ quan chuyên môn cắt tỉa các cành nhánh của những cây xanh có nguy cơ gãy đổ, mất an toàn trong khuôn viên trường; đồng thời bổ sung, chăm sóc và trồng thêm cây xanh nhằm tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

Đầu năm học 2025–2026, UBND xã Dầu Tiếng đã tổ chức khảo sát thực tế cơ sở vật chất của nhà trường và thống nhất chủ trương tiếp tục chỉnh trang hệ thống cây xanh, xử lý các cây có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn trường học.

Những hạng mục được thực hiện trong năm học đã góp phần xây dựng môi trường giáo dục xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện; từng bước hoàn thiện các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, tạo môi trường học tập thuận lợi cho học sinh, điều kiện làm việc hiệu quả cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, đồng thời đáp ứng yêu cầu xây dựng mô hình “Trường học hạnh phúc”.

### **Khu sân chơi, bãi tập và công trình thể dục thể thao**

Nhà trường có khoảng 2.100 m<sup>2</sup> sân chơi, bãi tập; được bố trí khu vui chơi ngoài trời với cầu trượt, xích đu và các thiết bị vận động phù hợp lứa tuổi học sinh tiểu học.

Trường có sân cầu lông, khu vực tập thể dục thể thao và không gian tổ chức các hoạt động tập thể, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

So với năm học 2024-2025, diện tích và công năng sử dụng được duy trì ổn định, bảo đảm phục vụ hiệu quả các hoạt động giáo dục.

### **Hạ tầng kỹ thuật**

Nhà trường được trang bị hệ thống điện, nước sạch, mạng Internet, thiết bị công nghệ thông tin và hệ thống phòng cháy, chữa cháy theo quy định, cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục.

So với năm học 2024–2025, hệ thống điện, nước sạch, mạng Internet và thiết bị công nghệ thông tin tiếp tục được duy trì, vận hành ổn định, phục vụ hiệu quả công tác quản lý và giảng dạy. Đầu năm học 2025–2026, UBND xã Dầu Tiếng đã tổ chức khảo sát hiện trạng hệ thống điện của nhà trường. Trên cơ sở kết quả khảo sát, địa phương đang xây dựng phương án và từng bước triển khai nâng cấp, sửa chữa hệ thống điện nhằm bảo đảm an toàn sử dụng điện và đáp ứng nhu cầu hoạt động của nhà trường trong thời gian tới.

Đối với hệ thống phòng cháy và chữa cháy, một số hạng mục đã có dấu hiệu xuống cấp theo thời gian sử dụng. Nhà trường đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét đầu tư sửa chữa, thay thế và bổ sung các thiết bị cần thiết nhằm bảo đảm các điều kiện an toàn theo quy định.

Nhìn chung, hạ tầng kỹ thuật của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động, đồng thời đang được quan tâm đầu tư, nâng cấp để bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, hiện đại và bền vững.

## 2. Thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học của nhà trường được trang bị theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Các phòng học và phòng bộ môn được bố trí đầy đủ bàn ghế, tủ, giá kệ, máy tính, thiết bị trình chiếu và các học liệu phục vụ giảng dạy.

So với năm học 2024-2025, thiết bị dạy học được rà soát, bổ sung và bảo dưỡng thường xuyên, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và nhiệm vụ chuyển đổi số trong giáo dục.

### Đánh giá chung

Cơ sở vật chất của Trường Tiểu học Định Thành năm học 2025-2026 cơ bản đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT. So với năm học trước, các điều kiện về diện tích, phòng học, phòng chức năng, sân chơi, bãi tập và thiết bị dạy học được duy trì ổn định; môi trường giáo dục bảo đảm an toàn, xanh, sạch, đẹp, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Nhà trường tiếp tục rà soát, đề xuất đầu tư bổ sung các hạng mục còn thiếu nhằm nâng cao chất lượng dạy học và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, hiện đại.

**Bảng 1: Cơ sở vật chất**

Cơ sở vật chất	Số lượng	Ghi chú
<b>Phòng học</b>	<b>08</b>	
- Số phòng học	08	
- Phòng học bán kiên cố	08	
<b>Phòng chức năng</b>	<b>03</b>	
- Phòng giáo dục rèn luyện thể chất hoặc nhà đa năng	00	
- Phòng giáo dục nghệ thuật	0	
- Thư viện + Thiết bị	2	
- Phòng thiết bị giáo dục	0	
- Phòng hoạt động Đội	1	
- Phòng truyền thông	0	
- Phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập.	0	
<b>Điểm trường</b>		

Số điểm trường	1	
Tổng diện tích đất	6605m <sup>2</sup>	
Diện tích sân chơi, bãi tập	2100 m <sup>2</sup>	
Diện tích phòng học	240,5 m <sup>2</sup>	
Diện tích thư viện	48,1m <sup>2</sup>	
Diện tích nhà đa năng	268,42 m <sup>2</sup>	
Diện tích phòng khác (y tế, đội)	48,4 m <sup>2</sup>	

**Bảng 2: Thư viện - Thiết bị dạy học tối thiểu**

Thư viện	Số lượng	
Sách nghiệp vụ	89 quyển	
Sách tham khảo	3668 quyển	
Sách thiếu nhi	2361 quyển	
Sách giáo khoa	381 quyển	
Sách pháp luật	268 quyển	
Thiết bị dạy học	Số lượng	
Khối lớp 1	130 đồ dùng	
Khối lớp 2	180 đồ dùng	
Khối lớp 3	43 đồ dùng	Chưa được cấp đồ dùng theo CT GDPT 2018
Khối lớp 4	74 đồ dùng	Chưa được cấp đồ dùng theo CT GDPT 2018
Khối lớp 5	72 đồ dùng	Chưa được cấp đồ dùng theo CT GDPT 2018
Máy vi tính	31 cái	Tổng số máy tính đang được sử dụng phục vụ học tập
Tivi	05 cái	
Máy chiếu	03 cái	

**Bảng 3: Khối nhà vệ sinh**

Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên		Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
	Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1 Đạt chuẩn vệ sinh		x		x		
2 Chưa đạt chuẩn vệ sinh						

**Bảng 4: Hạ tầng kỹ thuật:**

Cơ sở hạ tầng	Có	Không
Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
Nguồn điện (lưới. phát điện riêng)	x	
Kết nối internet	x	
Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
Tường rào xây	x	

**2. Tài liệu học tập sử dụng chung:**

Nhà trường sử dụng danh mục sách giáo khoa các lớp 1, 2, 3, 4 và 5 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc lựa chọn, sử dụng sách giáo khoa được thực hiện công khai, đúng quy trình và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

100% học sinh được học theo danh mục sách giáo khoa đã được phê duyệt. Ngoài ra, nhà trường sử dụng các xuất bản phẩm tham khảo phục vụ hoạt động dạy học theo đúng quy định hiện hành.

(Danh mục chi tiết sách giáo khoa sử dụng năm học 2025-2026 được trình bày tại Phụ lục kèm theo báo cáo).

**IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

## 1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

### Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục

Nhà trường tiếp tục thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng dạy học và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.

Kết quả một số chỉ số chất lượng giáo dục được đối sánh với năm học trước như sau:

Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Đối sánh số liệu
Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1	100% (20/20)	100%	Duy trì
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	99,13% (114/115)	98,2% (107/109)	Duy trì
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học	100% (20/20)	100% (22/22)	Duy trì

### Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Nhà trường tiếp tục thực hiện các giải pháp cải tiến chất lượng, tập trung vào các nội dung:

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, dạy học;

Tiếp tục đầu tư, sửa chữa và nâng cấp cơ sở vật chất, đặc biệt là hệ thống phòng cháy chữa cháy;

Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện;

Từng bước hoàn thiện các tiêu chuẩn để tiến tới đăng ký đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng giáo dục.

### Định hướng cải tiến chất lượng năm học 2026-2027

Căn cứ kết quả tự đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 và yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay, nhà trường xác định một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục trong năm học 2026-2027 như sau:

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; quan tâm bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và hỗ trợ học sinh còn gặp khó khăn trong học tập.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, dạy học và kiểm tra, đánh giá; tăng cường khai thác hiệu quả các phần mềm quản lý giáo dục, học liệu số và kho dữ liệu dùng chung.

Nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; tiếp tục rà soát, bổ sung và khai thác tối đa các trang thiết bị hiện có nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học.

Tăng cường công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện đổi mới giáo dục.

Tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục học sinh.

Duy trì và phát huy kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, trường đạt chuẩn quốc gia; thực hiện hiệu quả các giải pháp cải tiến chất lượng theo kế hoạch đã đề ra

### **Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục**

Năm học 2025-2026, nhà trường chưa thực hiện đánh giá ngoài và chưa được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc đạt chuẩn quốc gia.

Nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng, hoàn thiện các tiêu chí còn hạn chế để chuẩn bị các điều kiện đăng ký đánh giá ngoài trong thời gian tới.

### **Đánh giá chung**

Năm học 2025-2026, Trường Tiểu học Định Thành tiếp tục duy trì ổn định quy mô trường lớp và thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học. Chất lượng giáo dục được giữ vững; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học và tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đều đạt 100%.

Mặc dù quy mô học sinh giảm 06 em so với năm học trước, nhà trường vẫn bảo đảm duy trì 05 lớp học, tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục, thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục học sinh và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

## **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

### **1. Quy mô học sinh**

Năm học 2025-2026, Trường Tiểu học Định Thành duy trì 05 lớp học với tổng số 109 học sinh, trong đó có 43 học sinh nữ; 01 học sinh khuyết tật; không có học sinh dân tộc thiểu số. Trong năm học có 01 học sinh chuyển đi và không có học sinh chuyển đến. Tất cả học sinh đều được tổ chức học 02 buổi/ngày.

So với năm học 2024-2025, quy mô trường lớp được giữ ổn định với 05 lớp; tổng số học sinh giảm 06 học sinh (từ 115 học sinh xuống còn 109 học sinh), tương ứng giảm 5,22%.

<b>Nội dung</b>	<b>Năm học 2024-2025</b>	<b>Năm học 2025-2026</b>	<b>Tăng/Giảm</b>
Số lớp	05	05	Không đổi
Tổng số học sinh	115	109	Giảm 06
Học sinh nữ	47	43	Giảm 04
Học sinh khuyết tật	01	01	Không đổi
Học sinh dân tộc thiểu số	01	0	Giảm 01
Học sinh chuyển đi	01	01	Không đổi
Học sinh chuyển đến	03	0	Giảm 03
Học sinh học 2 buổi/ngày	115	109	Giảm 06

### **2. Kết quả huy động và duy trì sĩ số**

Nhà trường thực hiện tốt công tác huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, duy trì sĩ số học sinh trong suốt năm học. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%, góp phần duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi tại địa phương.

So với năm học 2024-2025, tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi ra lớp tiếp tục được duy trì ở mức 100%.

### 3. Kết quả đánh giá học sinh

Nhà trường thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết quả đánh giá cuối năm học 2025-2026 như sau:

Mức đánh giá	Số lượng học sinh	Tỷ lệ (%)
Hoàn thành xuất sắc	14	12,84
Hoàn thành tốt	08	7,33
Hoàn thành	85	78,03
Chưa hoàn thành	02	1,8
Tổng cộng	109	100

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 98,2 %; có 2 học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học. So với năm học 2024-2025, chất lượng giáo dục tiếp tục được duy trì ổn định, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu giáo dục đã đề ra.

### 4. Kết quả hoàn thành chương trình tiểu học

Năm học 2025-2026, nhà trường có 22 học sinh lớp 5. Kết quả xét hoàn thành chương trình tiểu học đạt 22/22 học sinh, tỷ lệ 100%.

Đối sánh với năm học 2024-2025:

Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
Học sinh lớp 5	31	22
Hoàn thành chương trình tiểu học	31/31	22/22
Tỷ lệ	100%	100%

Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học giảm 09 học sinh so với năm học trước, đồng thời tiếp tục duy trì tỷ lệ hoàn thành 100%.

### 5. Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học

Nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.

Kết quả năm học 2025-2026:

Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	100%	100%
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%

Các chỉ tiêu phổ cập giáo dục tiểu học tiếp tục được duy trì vững chắc, bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 6. Đánh giá chung

Năm học 2025-2026, Trường Tiểu học Định Thành tiếp tục duy trì ổn định quy mô trường lớp, thực hiện hiệu quả công tác huy động học sinh ra lớp và duy trì sĩ số. Chất lượng giáo dục được giữ vững; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học và các chỉ tiêu phổ cập giáo dục đều đạt 100%.

Mặc dù tổng số học sinh giảm so với năm học trước, nhà trường vẫn bảo đảm tổ chức tốt các hoạt động giáo dục, thực hiện đầy đủ Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và tạo môi trường học tập an toàn, thân thiện, hiệu quả cho học sinh.

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2025

(Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>26,4</b>
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp</b>	<b>26,4</b>
1.1	Học phí	26,4
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>5.498,85</b>
<b>1</b>	<b>Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>5.498,85</b>
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (đã trừ TK 10%)</b>	<b>3.478,1</b>
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (13)	3.525,98
	* Trừ 10% tiết kiệm theo quy định	47,88
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>2.020,75</b>
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12)	526,22
	- Bổ sung từ nguồn CCTL của tỉnh (14)	1.287,06
	- Chi khen thưởng nguồn (18) khen thưởng (theo QĐ)	226,47
	* Trừ tiết kiệm theo quy định	19

### 2. Công khai thu - chi tiền ngân sách nhà nước cấp năm 2025 (đến ngày 31/12/2025)

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Dự toán năm trước chuyển sang</b>	<b>115.503.990</b>	
	Trong đó:		
	- Trong khoán	105.542.726	
	- Ngoài khoán	9.961.264	
<b>II</b>	<b>Dự toán được giao năm 2025</b>	<b>5.592.133.066</b>	
	Trong đó:		
	- Trong khoán	3.525.980.221	
	- CCTL	1.287.063.000	
	- Ngoài khoán	362.624.650	
	- Chi khen thưởng nguồn (18)	226.465.195	
	- Sửa chữa	190.000.000	

<b>II</b>	<b>Tổng dự toán điều chỉnh giảm</b>	<b>90.480.000</b>	
	Trong đó:		
	- Trong khoán	47.880.000	
	- Dự toán giữ lại (nguồn 28)	23.600.000	
	- Sửa chữa	19.000.000	
<b>II</b>	<b>Tổng dự toán được sử dụng năm 2025</b>	<b>5.617.157.056</b>	
	Trong đó:	3.560.042.947	
	- Trong khoán		
	- CCTL	1.287.063.000	
	- Ngoài khoán	372.585.914	
	- Chi khen thưởng nguồn (18)	226.465.195	
	- Sửa chữa	171.000.000	
<b>III</b>	<b>Tổng kinh phí đã sử dụng đến ngày 01/01/2026</b>	<b>5.180.343.634</b>	
	Trong đó:	3.468.631.815	
	- Trong khoán (chi tiết đính kèm)		
	- CCTL	1.035.249.987	
	- Ngoài khoán (chi tiết đính kèm)	291.879.563	
	- Sửa chữa	179.500.000	
	- Chi khen thưởng nguồn (18)	205.082.268	
<b>IV</b>	<b>Tổng kinh phí còn tại KBNN</b>	<b>436.813.422</b>	
	Trong đó:		
	- Trong khoán	91.411.132	
	- CCTL	251.813.013	
	- Ngoài khoán	2.206.351	
	- Chi khen thưởng nguồn (18)	21.382.926	

### 3. Quyết toán thu - chi nguồn ngân sách nhà nước, nguồn khác năm 2025

(Đơn vị tính: đồng)

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
	<b>Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 13</b>	<b>3.468.631.815</b>	<b>3.468.631.815</b>	
<b>6000</b>	<b>Tiền lương</b>	<b>1.571.116.200</b>	<b>1.571.116.200</b>	
6001	Lương theo ngạch, bậc	1.571.116.200	1.571.116.200	
<b>6050</b>	<b>Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng</b>	<b>268.272.000</b>	<b>268.272.000</b>	
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	268.272.000	268.272.000	
<b>6100</b>	<b>Phụ cấp lương</b>	<b>716.165.424</b>	<b>716.165.424</b>	
6101	Phụ cấp chức vụ	35.100.000	35.100.000	
6107	Phụ cấp độc hại			
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	415.010.050	415.010.050	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	14.742.000	14.742.000	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	242.889.374	242.889.374	
6149	Phụ cấp khác	8.424.000	8.424.000	
<b>6250</b>	<b>Phúc lợi tập thể</b>	<b>17.368.980</b>	<b>17.368.980</b>	
6299	Chi khác	17.368.980	17.368.980	
<b>6300</b>	<b>Các khoản đóng góp</b>	<b>474.957.607</b>	<b>474.957.607</b>	
6301	Bảo hiểm xã hội	361.540.452	361.540.452	

6302	Bảo hiểm y tế	63.801.265	63.801.265	
6303	Kinh phí công đoàn	17.715.266	17.715.266	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	21.267.078	21.267.078	
6349	Các khoản đóng góp khác	10.633.546	10.633.546	
<b>6400</b>	<b>Các khoản thanh toán khác cho các nhân</b>	<b>77.400.000</b>	<b>77.400.000</b>	
6404	Chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ	77.400.000	77.400.000	
<b>6500</b>	<b>Thanh toán dịch vụ công cộng</b>	<b>27.230.487</b>	<b>27.230.487</b>	
6501	Tiền điện	27.164.704	27.164.704	
6502	Tiền nước	65.783	65.783	
<b>6550</b>	<b>Vật tư văn phòng</b>	<b>14.396.118</b>	<b>14.396.118</b>	
6551	Văn phòng phẩm	5.129.720	5.129.720	
6599	Vật tư văn phòng khác	9.266.398	9.266.398	
<b>6600</b>	<b>Thông tin tuyên truyền liên lạc</b>	<b>9.383.333</b>	<b>9.383.333</b>	
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, phí Internet, thuê đường truyền mạng	5.452.333	5.452.333	
6608	Sách, báo, tạp chí, thư viện	3.931.000	3.931.000	
<b>6700</b>	<b>Công tác phí</b>	<b>56.571.000</b>	<b>56.571.000</b>	
6701	Tiền vé máy bay, tàu xe	10.678.000	10.678.000	
6702	Phụ cấp công tác phí	16.850.000	16.850.000	
6703	Tiền thuê phòng ngủ	4.650.000	4.650.000	
6704	Khoản công tác phí	15.900.000	15.900.000	
6749	Chi khác	8.493.000	8.493.000	
<b>6750</b>	<b>Chi thuê mướn</b>	<b>85.620.500</b>	<b>85.620.500</b>	
6757	Thuê lao động trong nước	50.000.000	50.000.000	
6799	Chi phí thuê mướn khác	35.620.500	35.620.500	
<b>6900</b>	<b>Chi sửa chữa thường xuyên TSCĐ</b>	<b>58.698.396</b>	<b>58.698.396</b>	
6907	Nhà cửa	8.626.926	8.626.926	
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	35.768.540	35.768.540	
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng (Máy photo)	11.085.430	11.085.430	
6949	Các tài sản khác	3.217.500	3.217.500	
<b>6950</b>	<b>Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn</b>	<b>5.938.100</b>	<b>5.938.100</b>	
6999	Tài sản và thiết bị khác	5.938.100	5.938.100	
<b>7000</b>	<b>Chi nghiệp vụ chuyên môn</b>	<b>34.831.930</b>	<b>34.831.930</b>	
7004	Chi trang phục, đồng phục	1.197.600	1.197.600	
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác	33.634.330	33.634.330	
<b>7000</b>	<b>Mua sắm tài sản vô hình</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>	
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	3.000.000	3.000.000	
<b>7750</b>	<b>Chi khác</b>	<b>47.681.740</b>	<b>47.681.740</b>	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán	21.960.680	21.960.680	
7799	Chi khác	25.721.060	25.721.060	
	<b>Nguồn kinh phí không tự chủ - Nguồn 12</b>	<b>1.711.711.819</b>	<b>1.711.711.819</b>	
<b>6100</b>	<b>Phụ cấp lương</b>	<b>89.651.938</b>	<b>89.651.938</b>	
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	89.651.938	89.651.938	
<b>6150</b>	<b>Học bổng và chi hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học</b>	<b>4.050.000</b>	<b>4.050.000</b>	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	4.050.000	4.050.000	
<b>6200</b>	<b>Tiền thưởng</b>	<b>205.082.269</b>	<b>205.082.269</b>	

6201	Thưởng thường xuyên theo nghị định 73CP	205.082.269	205.082.269	
<b>6400</b>	<b>Các khoản thanh toán khác cho các nhân</b>	<b>1.153.627.612</b>	<b>1.153.627.612</b>	
6449	Chi khác	1.153.627.612	1.153.627.612	
<b>6900</b>	<b>Sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng</b>	<b>179.500.000</b>	<b>179.500.000</b>	
6949	Sửa chữa các tài sản và công trình hạ tầng khác, cắt tỉa hạ thấp cây xanh, sửa thiết bị PCCC, Camera	179.500.000	179.500.000	
<b>7000</b>	<b>Chi nghiệp vụ chuyên môn</b>	<b>3.400.000</b>	<b>3.400.000</b>	
7004	Đồng phục, trang phục	1.200.000	1.200.000	
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác	2.200.000	2.200.000	
<b>7750</b>	<b>Chi khác</b>	<b>76.400.000</b>	<b>76.400.000</b>	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	26.400.000	26.400.000	
7799	Chi các khoản khác	50.000.000	50.000.000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.180.343.634</b>	<b>5.180.343.634</b>	

**4. Công khai thu – chi tiền học phí năm 2025 (tính đến ngày 31/12/2025)**

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tồn đầu kỳ chuyển sang (tại KBNN)</b>	0	
<b>II</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>26.400.000</b>	
	Thu học phí:	26.400.000	
<b>III</b>	<b>Tổng kinh phí sử dụng</b>	<b>26.400.000</b>	
<b>IV</b>	<b>Tổng chi</b>	<b>26.400.000</b>	
	Chi lương từ cấp bù học phí	10.560.000	
	Chi tiền thuê mượn	3.500.000	
	Chi tiền thuê mượn khác	8.280.020	
	Chi tiền bảo trì máy tính	4.059.980	
<b>V</b>	<b>Tồn cuối kỳ - thời điểm ngày 31/12/2025 (Tồn tại KBNN)</b>	<b>0</b>	

**5. Công khai thu - chi tiền dạy thêm học thêm buổi 2 năm 2025 (đến ngày 31/12/2025)**

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tồn đầu kỳ - cuối năm 2024 chuyển sang</b>	<b>5.068.072</b>	
	Dùng chi tu sửa cơ sở vật chất điện nước	5.068.072	
<b>II</b>	<b>Tổng chi:</b>	<b>5.028.427</b>	
9	Chi tiền bảo trì máy tính	5.028.427	
<b>IV</b>	<b>Tồn cuối kỳ - thời điểm 31/12/2025 (Tại KBNN)</b>	<b>39.645</b>	
	Trong đó: - Dùng chi cho GV, quản lý	39.645	

**6. Công khai thu - chi tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu năm 2025 (đến ngày 31/12/2025)**

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Tổng thu (BHXH chuyển về)</b>	<b>7.815.567</b>	
<b>2</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>7.800.000</b>	
<b>3</b>	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs	7.800.000	
	<b>Tồn cuối kỳ - thời điểm 31/12/2025 tại ngân hàng</b>	<b>15.567</b>	

**7. Công khai thu - chi tiền tài khoản tiền gửi tại kho bạc năm 2025 (đến ngày 31/12/2025)**

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tồn đầu kỳ (cuối năm 2024 chuyển sang) - Tại KBNN</b>	<b>34.627.271</b>	
	- Tiền buổi 2 còn lại Dùm để chi CSVG	5.068.072	
	- Tiền thu vệ sinh trường lớp	10.866.240	
	- Tiền khen thưởng Sở chuyên	18.690.000	
	- Lãi tiền gửi	2.959	
<b>II</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>30.299</b>	
<b>III</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>34.574.446</b>	
<b>IV</b>	<b>Tồn cuối kỳ - thời điểm 31/12/2025 (tồn tại KBNN)</b>	<b>52.825</b>	
	- Tiền buổi 2 còn lại Dùm để chi GV, quản lý	39.645	
	- Lãi tiền gửi	13.180	

**Đánh giá chung công tác tài chính:**

Công tác quản lý tài chính của nhà trường được thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện công khai, minh bạch, đúng mục đích và tiết kiệm.

Các nguồn kinh phí được sử dụng cơ bản đáp ứng nhu cầu hoạt động của nhà trường, bảo đảm chi trả chế độ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phục vụ công tác chuyên môn, sửa chữa cơ sở vật chất và các nhiệm vụ được giao. Nhà trường thực hiện nghiêm túc chế độ công khai tài chính theo quy định.

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

**1. Công tác xây dựng Đảng, đoàn thể**

Chi bộ nhà trường tiếp tục phát huy vai trò hạt nhân chính trị trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giáo dục. Trong năm 2026, Chi bộ đã kết nạp được 01 đảng viên mới; 100% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 04 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Chi bộ được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

Chi đoàn thanh niên tích cực tham gia các phong trào thi đua, các hoạt động giáo dục, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tình nguyện do cấp trên phát động; góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện.

Liên đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh tổ chức hiệu quả các phong trào, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; được công nhận “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm học 2025 – 2026.

**2. Công tác chuyển đổi số**

Nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo chỉ đạo của ngành Giáo dục và chính quyền địa phương. Công tác quản lý, điều hành được thực hiện thông qua các hệ thống phần mềm dùng chung của ngành; việc tiếp nhận, xử lý và lưu trữ văn bản điện tử được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và cải cách hành chính.

100% cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên sử dụng hộp thư điện tử, phần mềm quản lý văn bản, chữ ký số và các nền tảng số phục vụ công tác chuyên môn. Nhà trường tiếp tục khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, phần mềm quản lý trường học và các ứng dụng hỗ trợ dạy học trực tuyến.

Bên cạnh đó, nhà trường từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác hành chính, xây dựng kế hoạch, báo cáo, thiết kế học liệu và hỗ trợ hoạt động chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

### **3. Công tác cải cách hành chính**

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định về cải cách hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc; thực hiện công khai, minh bạch các hoạt động theo quy định.

Việc trao đổi thông tin, xử lý văn bản và lưu trữ hồ sơ được thực hiện chủ yếu trên môi trường điện tử, góp phần giảm chi phí, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả công việc.

### **4. Công tác an toàn trường học**

Nhà trường thực hiện tốt các biện pháp bảo đảm an toàn trường học; tăng cường giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, phòng chống cháy nổ và bảo vệ trẻ em.

Công tác y tế học đường được duy trì thường xuyên; môi trường giáo dục bảo đảm xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện.

### **5. Thi đua – khen thưởng và các thành tích nổi bật**

Trong năm học 2025-2026, nhà trường tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua do ngành Giáo dục, địa phương và các cấp phát động; thực hiện hiệu quả các cuộc vận động và phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, an toàn.

#### **Về đội ngũ nhà giáo:**

Có 04 giáo viên được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 05 giáo viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Có 05/07 sáng kiến được công nhận cấp xã, đạt tỷ lệ 71,4%.

Có 07/09 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp trường, đạt tỷ lệ 77,8%.

Giáo viên Tổng phụ trách Đội đạt danh hiệu Giáo viên Tổng phụ trách Đội giỏi cấp Thành phố năm học 2025-2026.

Nhà trường tổ chức 54 tiết thao giảng, dự giờ 227 tiết; thực hiện 28 đồ dùng dạy học và sử dụng thiết bị dạy học 3.141 lượt.

#### **Về các hội thi, phong trào:**

Đạt giải Ba Hội thi Duyên dáng áo dài.

Đạt giải Nhì Hội thi Trang trí trại tòng quân.

Đạt giải Nhì Hội thi Lòng đèn đẹp.

Đạt giải Nhì Hội thi Cầu lông do địa phương tổ chức.

11/05/2026

Đạt giải Nhì Hội thi Vẽ tranh tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường và được chọn tham gia vòng Thành phố.

Có 02 giáo viên tham gia Hội thao cấp cụm.

Thực hiện báo cáo chuyên đề cấp cụm về công tác tổ chức kiểm tra học kỳ trong nhà trường.

#### **VỀ THÀNH TÍCH TẬP THỂ:**

Duy trì đạt chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

Duy trì kết quả kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Thư viện tiếp tục duy trì đạt chuẩn theo quy định.

Những kết quả đạt được trong năm học là minh chứng cho tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, sự nỗ lực của tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường; đồng thời tạo động lực để nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục trong những năm học tiếp theo.

### **6. Đánh giá chung**

Năm học 2025 – 2026, Trường Tiểu học Định Thành đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm của năm học và các nhiệm vụ do ngành Giáo dục, địa phương giao. Công tác xây dựng Đảng, hoạt động đoàn thể, chuyển đổi số, cải cách hành chính, phổ cập giáo dục, xây dựng trường học an toàn và các phong trào thi đua được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả hoạt động của nhà trường.

### **IX. KẾT LUẬN**

Năm học 2025-2026, Trường Tiểu học Định Thành đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ và chỉ tiêu đề ra. Chất lượng giáo dục được duy trì ổn định; công tác quản lý, chuyển đổi số, kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng đội ngũ tiếp tục được quan tâm thực hiện hiệu quả. Cơ sở vật chất từng bước được đầu tư, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những khó khăn, hạn chế; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc; thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Giáo dục.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2026 của Trường Tiểu học Định Thành được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Nhà trường thực hiện công khai báo cáo trên Trang thông tin điện tử của nhà trường, niêm yết tại đơn vị và thông tin tại Hội nghị viên chức, người lao động để các cơ quan quản lý, viên chức, người lao động, cha mẹ học sinh, học sinh và nhân dân trên địa bàn được biết, theo dõi và giám sát việc thực hiện. Trong quá trình thực

các cơ quan quản lý, viên chức, người lao động, cha mẹ học sinh, học sinh và nhân dân trên địa bàn được biết, theo dõi và giám sát việc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung theo quy định, nhà trường sẽ kịp thời cập nhật và công khai theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- UBND, phòng VHXH xã Dầu Tiếng;
- Hội đồng trường;
- PHHS, website trường;
- CSDL ngành, VPĐT;
- Lưu: VT.



Phạm Thị Vân

CH

## PHỤ LỤC

**Phụ lục 1: Danh mục sách giáo khoa năm học 2025-2026.  
Danh mục Sách giáo khoa lớp 1**

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên) – Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên) – Nguyễn Hoài Anh – Trần Thuý Nga – Nguyễn Thị Thanh Sơn	Đại học Sư phạm
2	Tiếng Việt	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) – Lê Thị Lan Anh – Nguyễn Thị Ngân Hoa – Vũ Thị Thanh Hương – Vũ Thị Lan	Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) – Trần Thành Nam (Chủ biên) – Lê Thị Tuyết Mai – Lục Thị Nga	Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và xã hội	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) – Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên) – Đào Thị Hồng – Phương Hà Lan – Hoàng Quý Tĩnh	Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất	Đặng Ngọc Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) – Nguyễn Công Trường	Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) – Đỗ Thanh Hiền	Đại học Sư phạm
7	Mĩ thuật	Nguyễn Xuân Tiên (Tổng Chủ biên) – Hoàng Minh Phúc (Chủ biên) – Nguyễn Thị Hiền – Nguyễn Minh Thiên Hoàng – Nguyễn Hồng Ngọc – Lâm Yến Như	Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Vũ Quang Tuyên (Tổng Chủ biên) – Nguyễn Hữu Tâm (Chủ biên) – Nguyễn Thị Hà Liên – Lê Phương Trí	Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 1 (Family and Friends National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên) - Trương Văn Ánh	Giáo dục Việt Nam

**Danh mục Sách giáo khoa lớp 2**

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) – Vũ Kim Băng – Trịnh Cẩm Lan – Chu Thị Phương – Trần Kim Phượng – Đặng Thị Hào Tâm	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) – Lê Anh Vinh – Nguyễn Áng – Vũ Văn Dương – Nguyễn Minh Hải – Hoàng Quế Hương – Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

3	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) – Trần Thành Nam – Nguyễn Thị Hoàng Anh – Nguyễn Ngọc Dung – Lê Thị Tuyết Mai	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) – Nguyễn Thị Thán (Chủ biên) – Đào Thị Hồng – Phương Hà Lan – Phạm Việt Quỳnh – Hoàng Quý Tinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất 2	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên) – Phạm Đông Đức (Chủ biên) – Nguyễn Duy Linh – Phạm Trảng Kha	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc 2	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) – Tạ Hoàng Mai Anh – Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm
7	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Nhung – Nguyễn Xuân Tiên (Đồng Tổng Chủ biên) – Nguyễn Tuấn Cường – Hoàng Minh Phúc (Đồng Chủ biên) – Lương Thanh Khiết – Vũ Đức Long – Nguyễn Ánh Phương Nam – Lâm Yến Như – Phạm Văn Thuận – Đàm Thị Hải Uyên – Trần Thị Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Phó Đức Hòa - Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên) - Bùi Ngọc Diệp - Nguyễn Hữu Tâm - Đinh Thị Kim Thoa (Chủ biên) - Nguyễn Thị Kiên - Nguyễn Thị Bích Liên - Nguyễn Thị Hà Liên - Vũ Phương Liên - Nguyễn Hà My - Lại Thị Yến Ngọc - Đặng Thị Thanh Nhân - Nguyễn Huyền Trang - Trần Thị Quỳnh Trang - Lê Phương Trí	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 2 (Family and Friends National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên) - Trương Văn Ánh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

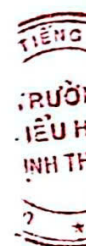
### Danh mục sách giáo khoa lớp 3

STT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) – Đỗ Hồng Dương – Nguyễn Thị Kim Oanh – Trần Kim Phượng	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) – Lê Anh Vinh (Chủ biên) - Nguyễn Áng – Vũ Văn Dương – Nguyễn Minh Hải – Hoàng Quế Hương – Bùi Bá Mạnh	Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) – Trần Thành Nam – Nguyễn Thị Hoàng Anh – Nguyễn Ngọc Dung – Nguyễn Thị Việt Hà	Giáo dục Việt Nam

4	Tự nhiên và xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thị Thân (Chủ biên) - Phan Thanh Hà - Đào Thị Hồng - Nguyễn Hồng Liên - Nguyễn Thị Thanh Thủy	Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 3	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên) - Nguyễn Thành Long - Phạm Đức Toàn - Vũ Thị Mai Phương	Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc 3	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Tạ Hoàng Mai Anh - Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Đại học Sư phạm
7	Mĩ thuật 3 (bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Tuấn Cường - Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên) - Lương Thanh Khiết - Nguyễn Ánh Phương Nam - Võ Thị Nguyên - Phạm Văn Thuận	Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 3	Phó Đức Hòa - Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên) - Bùi Ngọc Diệp - Nguyễn Hữu Tâm (đồng Chủ biên) - Nguyễn Hà My - Đặng Thị Thanh Nhân - Nguyễn Huyền Trang	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 3	Nguyễn Chí Công - Hoàng Thị Mai (Chủ biên) - Phan Anh - Nguyễn Thu Hiền - Nguyễn Bá Tuấn - Hà Đặng Cao Tùng - Đặng Bích Việt	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) - Đặng Văn Nghĩa (chủ biên) - Dương Giáng Thiên Hương - Lê Xuân Quang - Nguyễn Bích Thảo - Vũ Thị Ngọc Thúy - Nguyễn Thanh Trịnh	Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh 3 (Family and Friends National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên) - Trương Văn Ảnh	Giáo dục Việt Nam

#### Danh mục sách giáo khoa lớp 4

STT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) - Lê Anh Vinh (Chủ biên) - Nguyễn Áng - Vũ Văn Dương - Nguyễn Minh Hải - Hoàng Quế Hường - Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt 4	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) - Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) - Lê Thị Lan Anh - Đỗ Hồng Dương - Nguyễn Lê Hằng - Trịnh Cẩm Lan	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Hoạt động trải nghiệm 4	Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên) - Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên) - Lê Thị Thu Huyền -	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

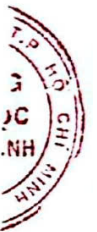


		Nguyễn Hà My - Đặng Thị Thanh Nhân - Nguyễn Hữu Tâm - Nguyễn Huyền Trang	
4	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên) - Nguyễn Thị Thanh Chi - Ngô Diệu Nga - Đào Thị Sen - Triệu Anh Trung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử - Địa lý 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ xuyên suốt biên phần Lịch sử) - Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử) - Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử) - Đào Thị Hồng - Lê Thị Thu Hương - Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí) - Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí) - Đặng Tiên Dung - Bùi Thị Thanh Phương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) - Trần Thành Nam - Nguyễn Thị Hoàng Anh - Nguyễn Ngọc Dung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 4	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Tạ Hoàng Mai Anh - Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên) - Lương Thanh Khiết - Nguyễn Ánh Phương Nam - Phạm Văn Thuận	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất 4	Đình Quang Ngọc (Tổng chủ biên) - Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên) - Đình Khánh Thu - Nguyễn Thị Thu Quyết - Đình Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
10	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên) - Hoàng Thị Mai (Chủ biên) - Phan Anh - Nguyễn Thu Hiền - Nguyễn Bá Tuấn - Hà Đặng Cao Tùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) - Đặng Văn Nghĩa (chủ biên) - Đồng Huy Giới - Dương Giáng Thiên Hương - Bùi Thị Thu Hương - Nguyễn Bích Thảo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13	Tiếng Anh 4 (Family and Friends National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên) - Trương Văn Ánh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

#### Danh mục sách giáo khoa lớp 5

STT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) - Lê Anh Vinh (Chủ biên) - Nguyễn Áng - Vũ Văn Dương - Nguyễn Minh Hải - Hoàng Qué Hường - Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2	Tiếng Việt 5	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) – Đỗ Hồng Dương – Nguyễn Lê Hằng – Trịnh Cẩm Lan – Vũ Thị Lan – Trần Kim Phượng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Hoạt động trải nghiệm 5	Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên) - Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên) – Lê Thị Thu Huyền - Nguyễn Hà My - Đặng Thị Thanh Nhân - Nguyễn Hữu Tâm – Nguyễn Huyền Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên) – Nguyễn Thị Hồng Liên – Ngô Diệu Nga – Nguyễn Thị Thanh Phúc - Đào Thị Sen	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử - Địa lý 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên suốt biên phần Lịch sử) - Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử) - Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử) - Đào Thị Hồng - Lê Thị Thu Hương - Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí) - Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí) - Đặng Tiên Dung - Dương Thị Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) – Trần Thành Nam – Nguyễn Thị Hoàng Anh – Nguyễn Ngọc Dung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 5	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) – Tạ Hoàng Mai Anh – Trương Thị Thủy Linh - Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên) - Lương Thanh Khiết - Nguyễn Ánh Phương Nam - Phạm Văn Thuận	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất 5	Đình Quang Ngọc (Tổng chủ biên) - Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên) - Đinh Khánh Thu - Nguyễn Thị Thu Quyết - Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
10	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên) – Hoàng Thị Mai (Chủ biên) – Phan Anh - Nguyễn Hải Châu – Hà Đặng Cao Tùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) – Đặng Văn Nghĩa (chủ biên) - Dương Giáng Thiên Hương – Nguyễn Bích Thảo – Vũ Thị Ngọc Thủy - Nguyễn Thanh Trịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 5 (Family and Friends National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên) – Phạm Nguyễn Bảo Ngọc	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam



**Phụ lục 2: Danh mục thiết bị dạy học.**

**Phụ lục 3: Các biểu mẫu tài chính chi tiết.**